

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM
KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ, TÂY NGUYÊN VÀ NAM BỘ
(Từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025)**

1. Khu vực Miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa (TLM): Phổ biến 1200-1800mm, có nơi cao hơn, riêng một số nơi ở Lai Châu, Hòa Bình, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn có mưa trên 2000mm; đặc biệt tại Bắc Quang (Hà Giang) có mưa lên tới 5106mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao, tình hình thủy văn có xu thế biến đổi chậm trong các tháng mùa cạn từ 04-06/2023, từ 11-12/2023 và từ 01-03/2024. Mùa lũ năm 2023 từ 07-09/2023 trên sông Thao xảy ra 4 trận lũ với biên độ lũ lên tại Yên Bái từ 2-6m. Trong 1 năm qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái trong 12 tháng qua thấp hơn TBNN cùng kỳ là 68%. Trên sông Lô, từ tháng 4/2023 đến 06/2023 tại Tuyên Quang biến đổi chậm, tháng 3/7 đến tháng 25/8 xuất hiện 2 đợt lũ với biên độ lũ lên tại Tuyên Quang từ 5-7m. Từ tháng 9/2023 mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang trong 12 tháng qua thấp hơn TBNN cùng kỳ là 61%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1300-2000mm, có nơi trên 2500mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao, lũ có khả năng xuất hiện trên sông Thao từ tháng 5/2024 và tập trung chủ yếu trong 3 tháng chính lũ là từ tháng 7-9/2024 với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ1-BĐ2. Tổng lượng dòng chảy tại Yên Bái sẽ thấp hơn TBNN là 57%. Trên sông Lô, lũ có khả năng xuất hiện từ tháng 7-9/2024 và tập trung chủ yếu từ tháng 7-9/2024 với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy tại Tuyên Quang sẽ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 20%.

2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>

-Tổng lượng mưa: Phổ biến 1200-1500mm; có nơi cao hơn; một số nơi ở Quảng Ninh TLM trên 2000mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4/2023 đến tháng 10 năm 2023 dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tăng dần do vào mùa lũ chính vụ hàng năm, tuy nhiên mực nước trung bình hạ du sông Hồng tại Hà Nội vẫn ở mức thấp. Năm 2023 mực nước sông Hồng tại Hà Nội xảy ra 2 trận lũ nhỏ vào cuối tháng 8 và tháng 9 với biên độ lũ từ 1,2m-1,4m. Đỉnh lũ cao nhất tại Hà Nội năm 2023 đạt 3,54m (19h/26/8). Từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2024 dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Riêng tháng 1 và tháng 2 năm 2024 dòng chảy có xu thế tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2023-2024.

Tình hình dòng chảy trên các sông chính khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ từ tháng 1/4/2023 đến 31/03/2024 cụ thể như sau:

Trên sông Đà, tổng lượng dòng chảy tại Hòa Bình thấp hơn TBNN khoảng 35%.

Trên sông Hồng, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với TBNN là 38%.

Trong 12 tháng qua, dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam đều ở mức thấp hơn so với TBNN; cụ thể, tổng lượng dòng chảy đến trạm Gia Bảy trên sông Cầu và trạm Chũ trên sông Lục Nam đều thấp hơn TBNN lần lượt là 33% và 59%.

b. Dự báo, cảnh báo

-Tổng lượng mưa: Phổ biến 1200-2000mm, có nơi cao hơn.

-Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025 dòng chảy hạ du sông Hồng tại Hà Nội chia thành các thời kỳ: Mùa lũ từ tháng 5/2024 đến hết tháng 10/2024 dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ có xu thế tăng do vào thời kỳ mùa lũ chính vụ hàng năm. Dự báo năm 2024 hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội có 3 đến 4 trận lũ với biên độ lũ trên 1,0m. Từ tháng 11/2024 đến tháng 3/2025 dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Riêng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tháng 1 và tháng 2 năm 2025 sẽ có xu thế tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm

2024-2025.

Tổng lượng dòng chảy dự báo từ tháng 4/2024 đến hết tháng 3/2025 như sau:

Trên sông Đà, tổng lượng dòng chảy tại Hòa Bình dự báo thấp hơn TBNN khoảng 15%.

Trên sông Hồng, tổng lượng dòng chảy dự báo có khả năng thấp hơn TBNN 31%.

Trên sông Cầu, tổng lượng dòng chảy thấp hơn mức TBNN là 26% và trên sông Lục Nam có khả năng thấp hơn TBNN là 55%.

3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1200-2000mm, riêng Hà Tĩnh 2000-3200mm

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4 đến tháng 6/2023, mực nước trên các sông ở Bắc Trung Bộ biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 5-35%; thượng nguồn các sông ở Nghệ An thấp hơn TBNN từ 10-40%, hạ lưu các sông ở Nghệ An cao hơn 10-60% trong các tháng 4-5 và thấp hơn trong tháng 6; các sông ở Hà Tĩnh thấp hơn từ 30-65%.

Từ tháng 7-9, các sông trong khu vực xuất hiện 1-2 đợt dao động mạnh và 1-2 đợt lũ vừa và nhỏ vào những ngày đầu tháng 8 và những ngày cuối tháng 9. Mực nước đỉnh lũ ở thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh và các sông ở Nghệ An ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2; hạ lưu các sông còn dưới mức BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp TBNN cùng kỳ từ 15-40%, riêng tháng 8 cao hơn; hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn TBNN từ 60-66%; các sông ở Hà Tĩnh thấp hơn từ 40-85%.

Từ tháng 10-12, mực nước các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuống dần, các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 3-5 đợt lũ vừa và nhỏ, mực nước đỉnh lũ ở hạ lưu sông La còn dưới mức BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp TBNN cùng kỳ từ 5-19%, hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 25-35%; các sông ở Hà Tĩnh thấp hơn từ 38-55% trong tháng 10 và cao hơn trong tháng 11, 12.

Từ tháng 1 đến tháng 3/2024, mực nước các sông trong khu vực biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, riêng thượng nguồn các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 2 đợt dao động với biên độ từ 0,5-2,3m vào nửa cuối tháng 3. Trên một số sông

đã xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc cùng kỳ, trên sông Chu tại Xuân Khánh 0,51m (19h/18/3), sông Cả tại Nam Đàn 0,80m (19h/07/3). Lưu lượng dòng chảy tháng 01 đến tháng 3/2024, trên các sông ở Thanh Hóa tương đương TBNN cùng kỳ, hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 5-10%, các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 35-50%, sông Ngàn Sâu cao hơn từ 0-20%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1300-2100mm, riêng phía Nam Nghệ An và Hà Tĩnh 2200-2700mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4 đến nửa đầu tháng 5/2023, mực nước thượng lưu các sông trong khu vực biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Từ nửa cuối tháng 5 đến tháng 6, thượng lưu các sông ở Thanh Hóa xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, các sông ở Nghệ An xuất hiện 1-2 đợt dao động mạnh. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần từ tháng 5 - 6. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa xấp xỉ TBNN cùng kỳ; hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 30-40%, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 25-35%, sông Ngàn Sâu xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

Từ tháng 08-10/2024, các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ vừa và nhỏ; mực nước đỉnh lũ hạ lưu sông Mã, sông La dao ở mức BĐ1, hạ lưu sông Cả ở mức BĐ1-BĐ2. Lưu lượng dòng chảy từ tháng 8-10/2024, trên các sông ở Thanh Hóa xấp xỉ TBNN cùng kỳ; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 35-45%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 20-35%, sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 30-45%.

Trong các tháng 11-12/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 5-10%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 25-35%; các sông ở Hà Tĩnh thấp hơn từ 5-25%.

Từ tháng 01-3/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xấp xỉ TBNN cùng kỳ; các sông ở Hà Tĩnh: Sông Ngàn Phố thấp hơn từ 30-40%, sông Ngàn Sâu xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2000-3500mm; riêng Thừa Thiên Huế và Trà My (Quảng Nam) có mưa trên 4000mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4 đến tháng 8/2023, lưu lượng dòng chảy từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ 39-87%; sông Thu Bồn (Quảng Nam) ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) và sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn từ 80-108%.

Từ tháng 9-12/2023, trên các sông đã xuất hiện 4-6 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời gian trên. Lưu lượng dòng chảy lớn nhất năm tập trung vào tháng 10 và 11. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-25%, riêng các sông Quảng Trị, sông Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 30-75%.

Từ tháng 01-03/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 20-32%, riêng các sông ở Quảng Trị, sông Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 40-70%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 2000-3700mm, có nơi 4000-5000mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

- Từ tháng 04-7/2024, lưu lượng dòng chảy ít biến đổi. Trong tháng 8/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN từ 20-70%, sông Tả Trạch và sông Trà Khúc ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 10-25%.

- Trong các tháng mùa lũ từ tháng 9-12/2024, dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 8-20% đến xấp xỉ TBNN, riêng các sông ở Quảng Trị và sông Vệ thấp hơn từ 40-65%.

- Từ tháng 01-03/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông xu thế giảm dần; Tổng lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 15-36%, các sông ở Quảng Trị, sông Vu Gia và sông Vệ thấp hơn từ 45-72%.

5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1100-1700mm, riêng một số nơi ở Ninh Thuận, Bình Thuận có mưa thấp hơn 1000mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4 đến tháng 8/2023, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm, theo xu thế xuống dần. Từ tháng 9 đến tháng 12/2023, trên các sông

thuộc lưu vực đã xuất hiện các đợt lũ vừa và nhỏ. Mực nước đỉnh lũ trên sông Kôn (Bình Định), sông Kỳ Lộ (Phú Yên) và sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa) phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3, sông Ba (Phú Yên) tại Củng Sơn ở mức BĐ2, các sông khác ở mức dưới BĐ1. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng trong thời kỳ này. Từ tháng 01 đến tháng 3/2024 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 39%, sông Cái Nha Trang cao hơn 7% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía bắc 1500-2200mm, phía nam: 1000-1500mm có nơi thấp hơn

- Tổng lượng dòng chảy: Từ tháng 4-8/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Từ tháng 9-12/2024, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 2-4 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng. Từ tháng 01-3/2025 dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần.

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025, trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 29%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 16% so với TBNN.

6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2300mm, có nơi cao hơn, riêng một số nơi ở Lâm Đồng (Bảo Lộc và Cát Tiên) có mưa trên 3000mm.

b. Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4-6/2023 các sông trên khu vực phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình hồ, đập điều hòa; Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông ở Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 26-61%, các sông Nam Tây Nguyên ở mức tương đương và cao hơn TBNN từ 48-85%, một số sông ở mức cao hơn nhiều như Đắk Nông, Ea Krông.

Từ tháng 7 đến tháng 10, trên một số sông suối chính ở khu vực đã xuất hiện 1-3 đợt lũ nhỏ và các đợt dao động, mực nước đỉnh lũ tại các trạm ở mức BĐ1-BĐ2; riêng sông Đắk Nông và sông Cam Ly xuất hiện lũ lớn và nhiều đợt hơn, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Đắk Nông, Cam Ly ở trên mức BĐ3 từ 0,68-0,88m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông ở Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 10-62%, các

sông Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 14-67%; riêng sông Đắk Nông và Cam Ly tổng lượng dòng chảy tháng 7 ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 145-152%.

Tháng 11 đến tháng 12/2023, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi, thượng nguồn. Riêng Sông ĐắkBla và Krông Ana xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ trên các sông ở mức xấp xỉ đến trên BĐ1. Tổng lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 16-56%;

Từ tháng 01 đến tháng 03/2024, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện. Lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 15-65%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 62-103%, sông Đắk Nông ở mức cao hơn nhiều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1700-2000mm, phía nam có nơi cao hơn

b. Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4-6/2024 các sông trên khu vực phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện, lượng dòng chảy biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông Bắc Tây Nguyên phổ biến ở mức tương đương và thấp hơn TBNN từ 21-59%; các sông Nam Tây Nguyên cao hơn từ 19-71%, một số sông ở mức cao hơn nhiều như Krông Búk, Ea Krông và Đắk Nông.

Từ tháng 7-9/2024, trên các sông chính có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, các sông suối nhỏ khả năng xuất hiện nhiều hơn. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN từ 15-64%; các sông Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 38-80%.

Từ tháng 10-12/2024, trên các sông chính ở khu vực Tây Nguyên khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ, các sông suối nhỏ khác có khả năng xuất hiện 5-7 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời gian này và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 33-90%; một số sông ở mức cao hơn.

Từ tháng 1-3/2025 dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy các sông phía Bắc Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ 33-61%; các sông Nam Tây Nguyên ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 10-20%; một số sông ở mức cao hơn nhiều như Krông Búk, Ea Krông và

Đắk Nông.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông ĐắkBla tại Kon Tum thấp hơn TBNN 60%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn cao hơn 18%.

7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1200-2500mm; có nơi cao hơn, riêng Phước Long 3656mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức thấp hơn TBNN từ 10-30%. Tổng lượng dòng chảy tháng 7 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức thấp hơn TBNN 10%. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 8, 9 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 8-12%. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức thấp hơn TBNN từ 15-22%. Từ tháng 01 đến tháng 3/2024, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn từ 10-20% so với TBNN cùng kỳ.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2300mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

Từ tháng 4 đến tháng 5, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế xuống dần. Tổng lượng về ĐBSCL ở mức thấp hơn TBNN từ 10-20%. Từ tháng 6 đến tháng 10, tổng lượng dòng chảy lên dần và ở mức thấp hơn TBNN từ 5-15%. Từ cuối tháng 10, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức tương đương TBNN. Từ tháng 01 đến tháng 3/2025, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng kỳ.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/7/2024

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025

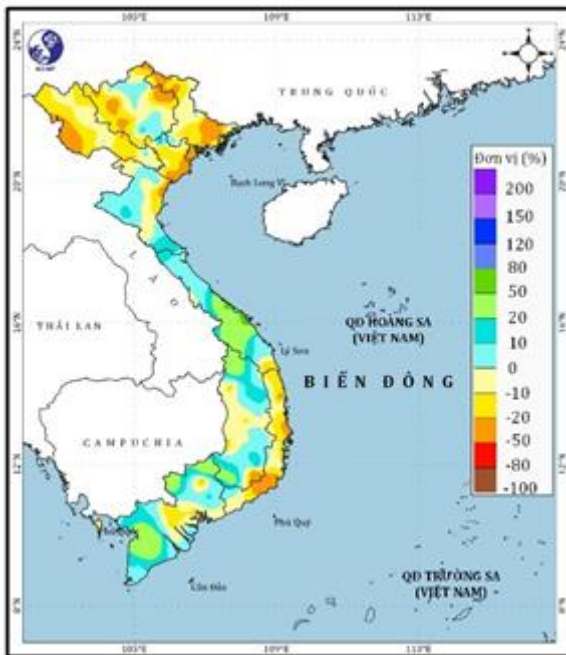
Sông	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	1925	5.9	1300-2000	<5-15%
Thao	Yên Bái	1433	-21.6	1300-2000	<5-15%
Lô	Tuyên Quang	1496	-6.9	1200-1800	xấp xỉ
Hồng	Hà Nội	1443	-13.1	1200-1800	<5-15%
Cầu	Gia Bảy	1775	-2.6	1300-2000	<5-15%
Lục Nam	Chũ	1079	-20.8	1200-1800	>5-15%
Mã	Cắm Thủy	1727	0.1	1300-2000	xấp xỉ
Cả	Yên Thượng	1764	-1.8	1300-2000	xấp xỉ
La	Hòa Duyệt	2898	20.8	2000-3000	>5-15%
Tả Trạch	Thượng Nhật	5077	30.8	3300-4300	>5-15%
Thu Bồn	Nông Sơn	4984	16.3	4000-5000	xấp xỉ
Trà Khúc	Sơn Giang	2972	-22.6	3000-4000	xấp xỉ
Ba	Cung Sơn	1545	-14.0	1300-2000	xấp xỉ
Cái Nha Trang	Đông Trãng	1274	-15.2	1300-2000	xấp xỉ
ĐăkBlá	KonTum	2131	12.7	1300-2000	<5-15%
Srêpôk	Giang Sơn	1845	0.9	1300-2000	<5-15%
Tiền	Tân Châu	1468	11.9	800-1500	<5-15%
Hậu	Châu Đốc	1468	11.9	800-1501	<5-15%

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2025

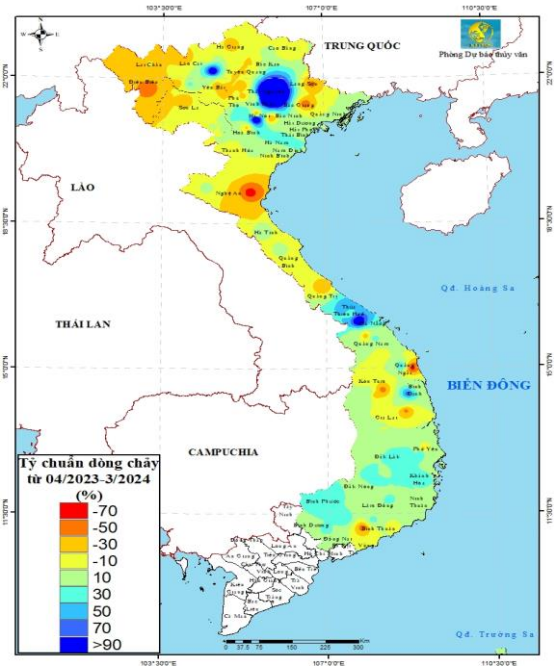
Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	34804	<35%	45727	<15%
Thao	Yên Bái	5834	<68%	7900	<57%
Lô	Tuyên Quang	6465	<61%	13245	<20%
Hồng	Hà Nội	42794	<35%	52034	<21%
Cầu	Gia Bảy	1198	<33%	1325	<26%
Lục Nam	Chũ	568	<59%	631	<55%
Mã	Cắm Thủy	9851	<8%	10538	~TBNN
Cả	Yên Thượng	9770	<40%	10597	<35%
La	Hòa Duyệt	3343	<11%	2986	<20%
Tả Trạch	Thượng Nhật	943	>89%	619	>24%
Thu Bồn	Nông Sơn	9075	~TBNN	8564	<6%

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Trà Khúc	Sơn Giang	7448	>16%	6620	>8%
Ba	Củng Sơn	4699	<39%	5490	<29%
Cái NT	Đồng Trăng	1939	>7%	2110	>16%
ĐăkBlá	Kon Tum	1834	< 33%	1027	< 60%
Srêpôk	Giang Sơn	2412	~ TBNN	3025	> 20%
Tiền	Tân Châu			301541	< 6%
Hậu	Châu Đốc			56819	< 12%

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2024



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa so với TBNN



Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN